

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12 - 9 - 2022.  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1990; thường trú: Ấp P xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: 10/12 khu phố A, phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Phan Thành T, sinh năm 1980; thường trú: Ấp 7 xã N huyện M, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: 10/12 khu phố A phường H, thành phố K, tỉnh Bình Dương.

(Chị L, anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh Phan Thành T tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó về chung sống với nhau, vợ chồng làm chứng nhận kết hôn tại UBND xã T huyện Q, tỉnh Kiên Giang (giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 11/02/2019). Từ khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng tính tình bất hòa, không có tiếng nói chung, vợ chồng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi. Nay tình cảm giữa chị và anh T không còn chị yêu cầu được ly hôn anh Thật.

*Về nuôi con chung:* Chị và anh T có 02 con chung tên Phan Thị Minh T, sinh ngày 24/01/2010 và Phan Minh Q, sinh ngày 24/01/2020, hiện hai con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu T và Q và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 10/8/2022 bị đơn anh Phan Thành T trình bày:* Anh T và chị Trần Thị Cẩm L tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có làm chứng nhận kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang (giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 11/2/2019). Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị L làm đơn ly hôn, anh đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Anh T và L có 02 con chung tên Phan Thị Minh T, sinh ngày 24/9/2010 và Phan Minh Q, sinh ngày 24/1/2020. Khi ly hôn anh T giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chị L làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Thật là có căn cứ chấp nhận.

Về nuôi con chung, hiện hai con chung cháu Phan Thị Minh T sinh ngày 24/9/2010 và Phan Minh Q, sinh ngày 24/1/2020 đang ở ổn định cùng chị L. Anh T, chị L thống nhất sau khi ly hôn chị L nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản. Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết, do vậy không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm L, bị đơn anh Phan Thành T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Cẩm L và anh Phan Thành T có chứng nhận kết hôn tại UBND xã T, huyện Q tỉnh Kiên Giang (giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 11/02/2019). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Cẩm L*: Qua trình bày của chị L thể hiện giữa chị L, anh T trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Xét, mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mặt khác qua làm việc chị L, anh T cùng thống nhất ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chị L và anh T có hai con chung tên Phan Thị Minh T, sinh ngày 24/9/2010 và Phan Minh Q, sinh ngày 24/1/2020. Khi ly hôn, chị L và anh T thống nhất hai con chung T và Q tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến trên của anh chị không trái pháp luật do vậy được ghi nhận.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm L đối với bị đơn anh Phan Thành T.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm L được ly hôn anh Phan Thành T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 11/2/2019 cấp tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang)

1.2 Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao hai con chung cháu Phan Thị Minh T, sinh ngày 24/9/2010 và Phan Minh Q, sinh ngày 24/1/2020 cho chị Trần Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Phan Thành T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị Cẩm L, anh Phan Thành T có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị L phải tạo điều kiện cho anh T trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Cẩm L, anh Phan Thành T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004043 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chị Trần Thị Cẩm L, anh Phan Thành T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã T (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Linh**